

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN G Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
TỈNH N

Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày 07 tháng 9 năm 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Vũ.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

2. Ông : Đinh Công Hiến.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh- Cán bộ
Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N. tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Công Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử
sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/HSST ngày 15/8/2017 đối với các bị
cáo:

1- Trần Văn S, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.
Trình độ văn hoá: Lớp 3/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng, con ông Trần Văn L và
bà Trần Thị C; có vợ là Nguyễn Thị T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009,
nhỏ nhất sinh năm 2014, tiền án tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại
tạm giam Công an tỉnh N - có mặt tại phiên tòa.

2- Bùi Hải Đ, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.
Trình độ văn hoá: Lớp 8/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do, con ông Bùi Văn Đ
và bà Nguyễn Thị L; vợ con chưa có, tiền án tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại
tạm giam Công an tỉnh N - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954.

Trú tại: Xóm 8A, xã C, huyện K, tỉnh N.

2- Ông Vũ Hữu S, sinh năm 1965.

Trú tại: Thôn N, xã G, huyện G, tỉnh N.

3- Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh N.

4- Anh Nguyễn Hải H, sinh năm 1980.

Trú tại: Đường 477, xã G, huyện G, tỉnh N.

5- Ông Đặng Đắc H, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

6- Anh Trần Văn H, sinh năm 1996- có mặt.

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh T.

7- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa những người bị hại đều vắng mặt. Anh C có đơn xin xử vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1983.

Trú tại: Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

2- Anh Đặng Ngọc A, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

3- Ông Đặng Hữu D, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

4- Anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

5- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa ngoài anh Trần Văn H có mặt, còn những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt. Các ông Nguyễn Văn H, Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị H, và anh Vũ Văn T có đơn xin xử vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội như sau. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 3/2017, Trần Văn S và Bùi Hải Đ đã nhiều lần thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện G, H, K tỉnh N cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10h ngày 23/12/2016, Trần Văn S điện thoại rủ Bùi Hải Đ đi sang huyện N, tỉnh N trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Đ đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-988.99 chở

Đ về phía huyện K để đi dò qua sông sang huyện N. Khi đến khu vực bến đò Quỹ Nhất thuộc địa phận huyện K thì S đổi ý không qua sông sang huyện N nữa mà đi đến xã C, huyện K để tìm xe máy trộm cắp. Khoảng 12h cùng ngày, đến khu vực cánh đồng thuộc địa phận xóm 8A, xã C, huyện K, S nhìn thấy ở phía bên phải đường có 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-306.92, nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc của ông Nguyễn Văn H sinh năm 1954, trú tại xóm 8A, xã C, huyện K dựng trong lều coi cá, không có người trông coi nên đã dừng xe để Đ đứng ở trên đường canh giới, còn S đi bộ đến vị trí dựng chiếc xe mô tô để trộm cắp. S kiểm tra thấy xe mô tô không khóa cổ, khóa càng nên dùng tay phải luồn vào bên trong ốp mặt nạ của xe rồi giật bung dây điện nối vào ổ khóa điện của xe mô tô ra, sau đó dắt chiếc xe lên mặt đường rồi đạp cần khởi động nổ máy, đồng thời Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-988.99 đi về nhà S cất giấu. Khi về nhà, S tháo chiếc biển số 35B1-306.92 của xe ra rồi lắp chiếc biển số 29L6-5683 (là biển số giả) vào chiếc xe trộm cắp được. Sau đó, S bán chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Hải Đ sinh năm 1983, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. với giá 2.500.000 đồng. Số tiền bán được xe, S chia cho Đ 500.000 đồng, còn 2.000.000 đồng S đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 17h ngày 26/12/2016, Trần Văn S điện thoại rủ Bùi Hải Đ đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Đ đồng ý (theo lời khai của S). Sau đó, S cầm theo 01 chiếc vạm phá khóa rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-988.99 chở Đ đi về xã G, huyện G tìm xe để trộm cắp. Đến khu vực cầu Đé, xã G, S nhìn thấy phía bên trái có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2 - 4256, nhãn hiệu Yamaha Exciter của anh Vũ Hữu S sinh năm 1965, trú tại thôn N, xã G, huyện G đang dựng ở dưới chân cầu Đé. Quan sát thấy không có người trông coi xe nên S dừng xe, đi bộ đến vị trí để chiếc xe mô tô nói trên; còn Đ đứng trên đường trông xe và canh giới. S cầm chiếc vạm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35M2 - 4256 đi về khu vực núi Thiệu thuộc địa phận thôn T, xã G thì dừng lại, còn Đ điều khiển xe biển kiểm soát 35B1 - 98899 đi về nhà Đ. Sau đó, S bán chiếc xe mô tô nói trên cho anh Đặng Ngọc A sinh năm 1996, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. với giá 6.500.000 đồng. Đến sáng ngày 27/12/2016, S điện thoại cho Đ đến nhà rồi đưa cho Đ 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại, S đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 10h ngày 05/01/2017, Trần Văn S điện thoại rủ Bùi Hải Đ đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Đ đồng ý. Sau đó, S cầm theo theo chiếc 01 vạm phá khóa rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-988.99 chở Đ đi ra Quốc lộ 1A, đi qua cầu Gián Khẩu rồi rẽ vào đường đê

sông Đáy đi về phía cầu Non Nước. Khi đi đến địa phận thôn B, xã N, huyện H, S nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-817.90, nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen của anh Nguyễn Đình N sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã N, huyện H đang dựng cạnh bụi tre dưới chân đê phía bên sông Đáy. S điều khiển xe mô tô đi qua một đoạn rồi quay đầu xe và dừng lại. S nói với Đ đứng trông xe và cảnh giới, còn S đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô, rồi dùng chiếc văm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi về nhà để cất giấu, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-988.99 đi theo sau. Khi về nhà, S tháo chiếc biển số 35B1-817.90 của xe mô tô ra rồi lắp chiếc biển số 35N9-5795 (là biển số giả) vào chiếc xe trộm cắp được. Sau đó, S bán chiếc xe mô tô trên cho anh Đặng Tuấn A sinh năm 1981, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N bán cho Tuấn A với giá 4.500.000 đồng. Ngày hôm sau, S đến nhà đưa cho Bùi Hải Đ 700.000 đồng, số tiền còn lại S đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 4: Khoảng 15h ngày 06/01/2017, Trần Văn S điện thoại rủ Bùi Hải Đ đi trộm cắp xe máy để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Đ đồng ý. Sau đó, S cầm theo chiếc văm phá rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (chưa xác định được biển kiểm soát) chở Đ đi về xã G để tìm xe máy trộm cắp. Khi đi qua cổng Trường THPT Gia Viễn A được 500 mét thuộc địa phận thôn đường 477, xã G, huyện G, S và Đ nhìn thấy bên phải đường hướng Thị trấn M đi cầu Đê có 01 rạp đám cưới, ở bên đối diện có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-04787, nhãn hiệu Honda Wave α của anh Nguyễn Hải H sinh năm 1980, trú tại thôn đường 477, xã G, huyện G dựng bên đường mà không có người trông coi. S đi thêm khoảng 100 mét thì giao xe mô tô của mình cho Đ và nói đi về nhà trước, còn S thì đi bộ đến chỗ dựng chiếc xe mô tô trên rồi cầm chiếc văm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-04787 đi về nhà cất giấu. Chiều ngày 08/01/2017, S gặp Đ và nói là giữ lại chiếc xe làm phương tiện đi lại và đưa cho Đ 500.000 đồng, số tiền trên, Đ đã chi tiêu cá nhân hết. Để tránh bị phát hiện, S đã mua 01 bộ vỏ nhựa màu xanh về nhà để thay bộ vỏ nhựa màu vàng của xe và tháo chiếc biển số 35B1-04787 của xe ra, rồi lắp chiếc biển số 18L1-033.91 (là biển số giả) vào chiếc xe trộm cắp được. S sử dụng xe một thời gian thì bán cho anh Đặng Hữu D sinh năm 1964, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N với giá 4.200.000 đồng. Số tiền nêu trên, S đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 5: Khoảng 19h ngày 18/02/2017, Trần Văn S cầm 01 chiếc văm phá khóa rồi đi bộ từ nhà ra khu vực trường cấp 1, xã G tìm xe mô tô để trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đi đến nhà anh Đặng Đắc H sinh năm

1970, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. S nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1 - 66350, nhãn hiệu Honda Dream của anh H dựng ở trước cửa ra vào, không có người trông coi. S đi bộ đến vị trí để chiếc xe mô tô, dắt xe ra ngoài đường rồi dùng chiếc vạm phá khóa mang theo từ trước, đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh để phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S khởi động và điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về khu vực bến đò Quý Nhất thuộc địa phận xã N, huyện N, tỉnh N. Tại đây, S tháo biển số xe rồi điện thoại cho anh Trần Văn D sinh năm 1985, trú tại Đội 5, Hợp tác xã N, xã N, huyện N, tỉnh N để bán xe. Khoảng 20 phút sau, D đi bộ đến gặp S và mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1 - 663.50 với giá 4.000.000 đồng. S đem chiếc biển số biển kiểm soát 35B1 - 663.50 đem về nhà cất giấu, còn số tiền bán xe thì S chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 6: Khoảng 18h50' ngày 01/3/2017, trong lúc đang hút cát tại thôn T, xã G, huyện G, Trần Văn S nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36M7-1314, nhãn hiệu Yamaha Sirius của anh Trần Văn H sinh năm 1996, trú tại xã T, huyện T, tỉnh T dựng ở chân đê sông Hoàng Long, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. S đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô trên rồi lấy 01 chiếc vạm phá khóa đem theo trong người từ trước, đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314 đi về nhà rồi lấy 01 chiếc tô vít cây yên của xe mô tô ra thì thấy trong cốp xe có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 01 chiếc ví da màu đen bên trong có 200.000 đồng, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân. S lấy tiền bỏ vào túi quần còn chiếc chiếc ví, chiếc điện thoại và chứng minh nhân dân S đã ném xuống sông Đáy thuộc địa phận xã G. S sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, đến ngày 27/3/2017 thì để nhờ chiếc xe mô tô trên tại gia đình chị Nguyễn Thị H sinh năm 1992, trú tại thôn M, xã G, huyện G. Quá trình điều tra, chị H đã tự nguyện giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314 cho lực lượng công an.

Vụ thứ 7: Khoảng 18h ngày 16/3/2017, Trần Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314 đi từ nhà đến thôn T, xã G, huyện G với mục đích tìm kiếm xe mô tô để trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. S phát hiện tại sân nhà anh Vũ Văn T sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã G, huyện G có dựng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2- 5244 nhãn hiệu Honda Wave RSX, không có người trông coi. điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314 đi về nhà, rồi cầm theo vạm phá khóa đi bộ đến nhà anh T trộm cắp. S đi bộ vào trong sân, rồi dùng chiếc vạm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh để phá ổ khóa điện của

xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35M2 - 5244 đi về nhà rồi dùng tay cây yên xe mô tô thì thấy trong bóp có 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong ví có số tiền 400.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô. S để lại đăng ký xe mô tô trong bóp xe, lấy 400.000 đồng bỏ vào trong ví của mình, còn chứng minh nhân dân cầm ở tay và đã bị rơi trong quá trình đến nhà ông Trần Văn L sinh năm 1961 (là bố đẻ Trần Văn S) trú tại đội 7, xã N, huyện N, tỉnh N. Buổi tối ngày 16/3/2017, S điện thoại cho một người tên là H ở huyện H, tỉnh N (chưa xác định được họ, tên, tuổi địa chỉ cụ thể) hỏi bán xe và H đã đồng ý việc mua xe của S. Khoảng 07h ngày 17/3/2017, S điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được đến khu vực bến phà T, huyện H, tỉnh N bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2 - 5244 cho H được 5.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên, S đã chi tiêu cá nhân hết.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Trần Văn S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ biển số 35B1-988.99, biển số 35B1-306.92, biển số 35B1-663.50 và 01 đoạn sắt hình chữ “T”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314, nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy: 62034061, số khung: 034061 do chị Nguyễn Thị H tự nguyện giao nộp; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, số máy: 058077, số khung: 058073, không biển số do anh Đặng Ngọc A tự nguyện giao nộp; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số máy: 2832568, số khung: 032549, đeo biển số 18L1-033.91 do chị Phạm Thị H (là vợ của anh Đặng Hữu D) tự nguyện giao nộp; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, số máy: 0131080, số khung: 067757, đeo biển số 35N9-5795 do anh Đặng Tuấn A tự nguyện giao nộp; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số máy: 3224983, số khung : 424919, đeo biển số 29L6-5683 do anh Nguyễn Hải Đ tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự(BLTTHS).

Tại Bản cáo trạng số T 50/CT- VKS, ngày 14/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Trần Văn S ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, Bùi Hải Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Bùi Hải Đ phạm tội "

Trộm cắp tài sản'. Áp dụng Điều 138 khoản 2 điểm e, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (BLHS) xử phạt Trần Văn S từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù; Áp dụng Điều 138 khoản 1, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (BLHS) xử phạt Bùi Hải Đ từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy các biển số: 35B1-663.50, 35B1-988.99, 18L1-033.91, 35N9-5795, 29L6-5683 và đoạn sắt hình chữ "T"; Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A700H thu giữ của Trần Văn S. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 và 357 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bị cáo Trần Văn S bồi thường cho các những người bị hại tổng số tiền là 25.800.000 đồng (gồm bồi thường cho anh Trần Văn H 1.400.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Đắc H 14.000.000 đồng, bồi thường cho anh Vũ Văn T 10.400.000 đồng); buộc bị cáo S phải bồi thường cho những người có quyền và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 16.000.000 đồng (gồm bồi thường cho anh Nguyễn Hải Đ 2.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Tuấn A 3.800.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Hữu D 3.700.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Ngọc A 6.500.000 đồng). Buộc bị cáo Bùi Hải Đ bồi thường cho những người có quyền và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 1.700.000 đồng (gồm bồi thường cho anh Nguyễn Hải Đ 500.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Tuấn A 700.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Hữu D 500.000 đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu sài nên khoảng 10h ngày 23/12/2016, Trần Văn S điện thoại rủ Bùi Hải Đ đi sang huyện N, tỉnh N tìm tài sản để chiếm đoạt. Thực hiện ý định đó S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-988.99 chở Đ đến khu vực bến đò Quỳ Nhất thuộc địa phận huyện K thì S đổi ý không qua sông sang huyện N nữa mà đi đến xã C, huyện K. Khoảng 12h cùng ngày, đến khu vực cánh đồng thuộc địa phận xóm 8A, xã C, huyện K, S nhìn thấy ở phía bên phải đường có 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-306.92, nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc của ông Nguyễn Văn H sinh năm 1954, trú tại xóm 8A, xã C, huyện K dựng trong lều coi cá,

không có người trông coi nên đã dừng xe để Đ đứng ở trên đường cảnh giới, còn S đi bộ đến vị trí dựng chiếc xe mô tô để trộm cắp. S kiểm tra thấy xe mô tô không khóa cổ, khóa càng nên dùng tay phải luồn vào bên trong ốp mặt nạ của xe rồi giật bung dây điện nối vào ổ khóa điện của xe mô tô ra, sau đó dắt chiếc xe lên mặt đường rồi đạp cần khởi động nổ máy, tẩu thoát. Khi về nhà, S tháo chiếc biển số 35B1-306.92 của xe ra rồi lắp chiếc biển số 29L6-5683 (là biển số giả) vào chiếc xe trộm cắp được. Sau đó, S bán chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Hải Đ sinh năm 1983, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N với giá 2.500.000 đồng. Số tiền bán được xe, S chia cho Đ 500.000 đồng. Đến khoảng 17h ngày 26/12/2016, Trần Văn S một mình mang theo vạm phá khóa đi đến xã G, huyện G tìm xe chiếm đoạt. Đến khu vực cầu Đé, xã G, S nhìn thấy phía bên trái có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2 - 4256, nhãn hiệu Yamaha Exciter của anh Vũ Hữu S đang dựng ở dưới chân cầu Đé. Quan sát thấy không có người trông coi xe nên S dừng xe, đi bộ tiếp cận chiếc xe mô tô nói trên; S cầm chiếc vạm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô tẩu thoát. S đã bán chiếc xe mô tô nói trên cho anh Đặng Ngọc A sinh năm 1996, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N với giá 6.500.000 đồng.

Tiếp tục dẫn sâu vào con đường phạm tội, khoảng 10h ngày 05/01/2017, Trần Văn S cầm theo chiếc 01 vạm phá khóa rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-988.99 chở Đ đi đến địa phận thôn B, xã N, huyện H, S nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-817.90, nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen của anh Nguyễn Đình N đang dựng cạnh bụi tre dưới chân đê phía bên sông Đáy. S nói với Đ đứng trông xe và cảnh giới, còn S đi bộ tiếp cận xe mô tô, rồi dùng chiếc vạm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Khi về nhà, S tháo chiếc biển số 35B1-817.90 của xe mô tô ra rồi lắp chiếc biển số 35N9-5795 (là biển số giả) vào chiếc xe trộm cắp được. Sau đó, S bán chiếc xe mô tô trên cho anh Đặng Tuấn A sinh năm 1981, trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N bán cho Tuấn A với giá 4.500.000 đồng, S chia cho Bùi Hải Đ 700.000 đồng, còn S hưởng số tiền còn lại. Tiếp tục khoảng 15h ngày 06/01/2017, Trần Văn S cầm theo chiếc vạm phá rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (chưa xác định được biển kiểm soát) chở Đ đi qua cổng Trường THPT Gia Viễn A được 500 mét thuộc địa phận thôn đường 477, xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, S và Đ nhìn thấy bên phải đường hướng Thị trấn M đi cầu Đé có 01 rạp đám cưới, ở bên đối diện có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-04787, nhãn hiệu Honda Wave α của anh Nguyễn Hải H dựng bên đường mà không có người trông coi. S

đi thêm khoảng 100 mét thì giao xe mô tô của mình cho Đ và nói đi về nhà trước, còn S thì đi bộ tiếp cận chiếc xe mô tô trên rồi cầm chiếc văm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô rồi S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-04787 đi về nhà cất giấu. Chiếc xe này S gặp Đ và nói là giữ lại chiếc xe làm phương tiện đi lại và đưa cho Đ 500.000 đồng. S sử dụng xe một thời gian thì bán cho ông Đặng Hữu D với giá 4.200.000 đồng. Vẫn chưa dừng lại khoảng 19h ngày 18/02/2017, Trần Văn S cầm 01 chiếc văm phá khóa rồi đi bộ khu vực trường cấp 1, xã G. Khi đi đến nhà anh Đặng Đắc H trú tại Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N, S nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1 - 66350, nhãn hiệu Honda Dream của anh H dựng ở trước cửa ra vào, không có người trông coi. San đi bộ tiếp cận chiếc xe mô tô, dắt xe ra ngoài đường rồi dùng chiếc văm phá khóa mang theo từ trước, đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh để phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, San khởi động và điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về khu vực bến đò Quỳ Nhất thuộc địa phận xã N, huyện N, tỉnh N. Tại đây, S tháo biển số xe rồi bán chiếc xe này cho anh Trần Văn D sinh năm 1985, trú tại Đội 5, Hợp tác xã N, xã N, huyện N, tỉnh N với giá 4.000.000 đồng. Đến khoảng 18h50' ngày 01/3/2017, trong lúc đang hút cát tại thôn T, xã G, huyện G, Trần Văn S nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314, nhãn hiệu Yamaha Sirius của anh Trần Văn H dựng ở chân đê sông Hoàng Long, không có người trông coi nên San đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô trên rồi lấy 01 chiếc văm phá khóa đem theo trong người từ trước, đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô tẩu thoát đi về nhà rồi lấy 01 chiếc tô vít cây yên của xe mô tô ra thì thấy trong cốp xe có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 01 chiếc ví da màu đen bên trong có 200.000 đồng, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân. S lấy tiền bỏ vào túi quần còn chiếc chiếc ví, chiếc điện thoại và chứng minh nhân dân San đã ném xuống sông Đáy thuộc địa phận xã G. Tiếp tục con đường phạm tội khoảng 18h ngày 16/3/2017, Trần Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314 đi đến thôn Tu, xã G, huyện G. Tại đây, S phát hiện tại sân nhà anh Vũ Văn T sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã G, huyện G có dựng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2- 5244 nhãn hiệu Honda Wave RSX, không có người trông coi. S liền điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36M7- 1314 đi về nhà, rồi cầm theo văm phá khóa đi bộ đến nhà anh T trộm cắp. San đi bộ vào trong sân, rồi dùng chiếc văm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh để phá ổ khóa điện của xe mô tô. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35M2 - 5244 đi về nhà rồi dùng tay cây yên xe mô tô thì thấy trong cốp có 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong ví có số tiền 400.000

đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô. S để lại đăng ký xe mô tô trong cốp xe, lấy 400.000 đồng bỏ vào trong ví của mình, còn chứng minh nhân dân cầm ở tay và đã bị rơi mất trong quá trình đi lại. S điện thoại rồi bán chiếc xe này cho một người tên là H ở huyện H, tỉnh N (chưa xác định được họ, tên, tuổi địa chỉ cụ thể) được 5.000.000 đồng.

Rõ ràng chỉ trong một thời gian ngắn các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu, lén lút tiếp cận, sử dụng vạm phá khóa (chỉ có 1 vụ sử dụng tay không) chiếm đoạt được tổng cộng 07 chiếc xe mô tô các loại có trị giá theo kết luận tại các biên bản định giá 10 ngày 14/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện K, kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-306.92, nhãn hiệu Honda Wave trị giá 9.000.000 đồng, ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện G, kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2- 4256, nhãn hiệu Yamaha Exciter trị giá 20.000.000 đồng, ngày 26/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện H, kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-817.90, nhãn hiệu Honda Wave RSX trị giá 15.600.000 đồng, ngày 07/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện G, kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-04787, nhãn hiệu Honda Wave α trị giá 6.800.000 đồng, 17 ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện G, xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36M7 - 1314 trị giá 8.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel trị giá 1.200.000 đồng, ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện G, kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2- 5244, nhãn hiệu Honda Wave RSX trị giá 10.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn chiếm đoạt trong cốp xe của anh T là 400.000 đồng, anh H là 200.000 đồng. Trong đó có căn cứ xác định bị cáo S tham gia cả 07 vụ chiếm đoạt tổng cộng số tài sản trị giá là 85.200.000 đồng. Riêng vụ trộm cắp ngày 26/12/2016, Trần Văn S quá trình điều tra khai có sự tham gia của bị cáo Đ, nhưng bị cáo Đ không thừa nhận, ngoài ra không có chứng cứ nào khác kết tội đối với Đ. Tại phiên tòa bị cáo S thừa nhận vụ trộm cắp ngày 26/12/2016 không có sự tham gia của bị cáo Đ mà do một mình bị cáo S thực hiện vì vậy có đủ căn cứ xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35M2 - 4256, nhãn hiệu Yamaha Exciter của anh Vũ Hữu S ngày 26/12/2016 do mình bị cáo S chiếm đoạt. Như vậy bị cáo Đ tham gia 03 vụ chiếm đoạt tổng cộng số tài sản trị giá là 31.400.000 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo

đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, trị giá tài sản bị chiếm đoạt Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Trần Văn S theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Bùi Hải Đ theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ.

Trong vụ án này bị cáo San là người trực tiếp rủ rê, lôi kéo bị cáo Đ phạm tội, đồng thời bị cáo S là người tham gia cả 7 vụ nên bị cáo S là người giữ vai trò đầu, còn bị cáo Đ giữ vai trò thứ hai.

Các bị cáo không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính, mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để nhiều lần ra tay chiếm đoạt tài sản thể hiện thái độ liều lĩnh, coi thường kỷ cương luật pháp, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo Đ là người tham gia cùng bị cáo S thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, còn bị cáo S là người thực hiện bảy lần phạm tội liên tiếp, dù bị cáo không coi việc trộm cắp tài sản là nguồn sống chính song đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với cả hai bị cáo. Đòi hỏi phải có biện pháp xử lý nghiêm minh bằng cách cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi sự việc bị phát giác các bị cáo đã tự khai báo ra các lần phạm tội trước đó nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm o, p khoản 1 điều 46 BLHS.

Về hình phạt bổ sung:

Xét các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định. Bị cáo S thì phải nuôi con còn nhỏ, bị cáo Đ còn sống phụ thuộc gia đình. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với thiệt hại của các ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình N, Vũ Hữu S và anh Nguyễn Hải H, những người này đều đã được cơ quan điều tra trả lại xe mô tô đã bị mất, đều không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên phần trách nhiệm dân sự đối với những người này Tòa không xét. Riêng anh Trần Văn H đã nhận lại xe mô tô, tại phiên tòa anh H chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại bị mất là 1.200.000 đồng và số tiền mất là 200.000 đồng, bị cáo S cũng đồng ý cần chấp nhận. Đối với 01 chiếc ví da màu đen, 01 giấy phép lái

xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

Đối với thiệt hại của ông Đặng Hữu D và các anh Đặng Ngọc A, Đặng Tuấn A và Nguyễn Hải Đ là những người ngay tình khi mua xe mô tô của Trần Văn S nay yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã bỏ ra mua xe là hợp pháp cần chấp nhận. Đối với những vụ án bị cáo S và Đ cùng tham gia thì hai bị cáo phải liên đới cùng bồi thường. Cụ thể ông Đặng Hữu D thiệt hại 4.200.000 đồng trong đó bị cáo S chiếm hưởng 3.700.000 đồng, bị cáo Đ chiếm hưởng 500.000 đồng; anh Đặng Tuấn A thiệt hại 4.500.000 đồng, trong đó bị cáo S chiếm hưởng 3.800.000 đồng, bị cáo Đ chiếm hưởng 700.000 đồng, anh Nguyễn Hải Đ thiệt hại 2.500.000 đồng, trong đó bị cáo S chiếm hưởng 2.000.000 đồng, bị cáo Đ chiếm hưởng 500.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường cho những người này theo mức tiền đã chiếm hưởng nêu trên là phù hợp cần chấp nhận. Đối với thiệt hại của anh Đặng Ngọc A là 6.500.000 đồng, đây là vụ án mình S thực hiện, mình bị cáo S mang xe bán cho anh Đặng Ngọc A nên bị cáo S phải bồi thường cho anh Đặng Ngọc A toàn bộ số tiền 6.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với các biển số: 35B1-663.50, 35B1-988.99, 18L1-033.91, 35N9-5795, 29L6-5683 và đoạn sắt hình chữ “T” cần tịch thu, tiêu hủy

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A700H thu giữ của Trần Văn S là công cụ thực hiện tội phạm cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với các anh Nguyễn Hải Đ là người mua xe mô tô biển kiểm soát 35B1-306.92; Đặng Tuấn A, là người mua xe mô tô biển kiểm soát 35B1-817.90; Đặng Ngọc A là người mua xe mô tô biển kiểm soát 35M2-4256, ông Đặng Hữu D là người mua xe mô tô biển kiểm soát 35B1-047.87, chị Nguyễn Thị H là người được S nhờ giữ hộ xe mô tô biển kiểm soát 36M7-1314. Tuy nhiên, khi mua và giữ hộ các xe mô tô nêu trên, anh Đ, anh Tuấn A, anh Ngọc A, ông D và chị H đều không biết các xe mô tô trên là tài sản do trộm cắp được mà có. Do vậy, các anh Nguyễn Hải Đ, Đặng Tuấn A, Đặng Ngọc A, ông Đặng Hữu D và chị Nguyễn Thị H không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với Trần Văn D là người mà Trần Văn S khai đã mua xe mô tô biển kiểm soát 35B1-663.50 mà S trộm cắp ngày 18/02/2017. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã triệu tập, xác minh nhưng D đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tách phần tài liệu liên quan đến D để điều tra xử lý sau.

Đối với người thanh niên có tên H ở huyện H, tỉnh N, theo lời khai của Trần Văn S là người đã mua xe mô tô biển kiểm soát 35N2-5244. Quá trình điều tra, S khai không biết lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với 01 xe mô tô đeo biển kiểm soát 35B1-988.99 mà bị cáo S dùng làm phương tiện phạm tội, nhưng trước khi sự việc bị phát giác, bị cáo S đã bán cho một người không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi được, vì vậy không có căn cứ để xử lý.

Đối với 01 chứng minh nhân dân của anh Vũ Văn T, bị cáo làm rơi khi đi lại anh T không yêu cầu bồi thường gì nên không xét.

Đối với bộ vỏ nhựa của xe mô tô BKS 35B1- 047.87 sau khi thay tháo bị cáo S đã vứt đi không nhớ vị trí nên cơ quan điều tra không thu hồi được vì vậy không có cơ sở để xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn San, Bùi Hải Định phạm tội " Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 45 (Bốn lăm) tháng tù thời tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Hải Đ 24 (Hai bốn) tháng tù thời tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/4/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS, các Điều 357, 584, 585, 589 BLDS.

Buộc bị cáo Trần Văn S bồi thường cho các những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 41.800.000 đồng: Cụ thể:

- Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho anh Trần Văn H 1.400.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho ông Đặng Đắc H số tiền là 14.000.000 đồng

- Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho anh Vũ Văn T số tiền là 10.400.000đồng.

- Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền là 2.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho anh Đặng Tuấn A số tiền là 3.800.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho ông Đặng Hữu D số tiền là 3.700.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Văn San phải bồi thường cho anh Đặng Ngọc Anh số tiền là 6.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Bùi Hải Đ bồi thường cho những người có quyền và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 1.700.000 đồng. Cụ thể:

- Buộc bị cáo Bùi Hải Đ bồi thường cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền là 500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Hải Đ bồi thường cho anh bồi thường cho anh Đặng Tuấn A 700.000 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Hải Đ bồi thường cho ông Đặng Hữu D số tiền là 500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468BLDS.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy các biển số: 35B1-663.50, 35B1-988.99, 18L1-033.91, 35N9-5795, 29L6-5683 và đoạn sắt hình chữ “T”.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A700H thu giữ của Trần Văn S. (Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn S phải nộp 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.090.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Bùi

Hải Đ phải nộp 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- Viện kiểm sát;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

NGUYỄN HỮU QUỐC